TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2022
V/v ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Dương Văn Tính.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2022 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị N, sinh năm 2000. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Chỗ ở hiện nay: ấp K, xã B, huyện T, tỉnh LA. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1997. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2022 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Ngô Thị N, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L cưới nhau vào ngày 30/4/2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Hôn nhân do quen biết trước được 01 tháng thì tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới chị và anh L sinh sống cùng gia đình anh L được 01 năm thì vợ chồng lên Bình Dương làm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vì thường xuyên cãi nhau về chuyện tiền bạc, vợ chồng

sống không hợp nhau, mỗi lần anh L uống rượu thì thường xuyên kiếm chuyện với chị, ghen tuông vô cớ. Anh L còn đe dọa chị, nếu chị không quay lại chung sống với anh L, anh L đến nhà chị và nói trên pháp luật chị còn là vợ anh L, anh L có quyền giết chị, rồi tự vẫn chết. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh L không còn sống chung từ khoảng tháng 7-8 năm 2021 cho đến nay, vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm, cha mẹ hai bên cũng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm cho chị và anh L. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn L.

2. Về nuôi con chung: Chị và anh L chung sống không có con chung, hiện chị cũng không có mang thai nên con chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Chị và anh L chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị và anh L chung sống không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn L đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh L vẫn không có mặt và cũng không gởi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ngô Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn L, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Ngô Thị Nhi có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị với anh Phạm Văn L. Hiện anh L đang cư trú tại ấp A, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Phạm Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh L vắng mặt, không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị N và anh Phạm Văn L được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 52, ngày 09/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị N là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị N cho rằng đã có mâu thuẫn với anh L là có thật. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị N, anh L đoàn tụ nhưng chị N vẫn cương quyết ly hôn, vì không còn tình cảm với anh L nên không còn sống chung với nhau từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay, vợ chồng cũng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Đồng thời, anh L đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh L cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị N. Điều này, cho thấy hôn nhân giữa chị N anh L không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị N yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ngô Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Ngô Thị N chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003850 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị N. Cho chị Ngô Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn L.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị N chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003850 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/7/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung